TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày 16/6/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được.

Ông Huỳnh Văn Đương.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/TLST-DS, ngày 14/11/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-DS, ngày 09/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2023/QĐST-DS, ngày 22/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thị L: Bà Lê Thị Minh K, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp O, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền đề ngày 17/3/2023. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị L:

Luật sư Trầm Phú L – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thái Hà – Chi nhánh tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: Số 192, đường P, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trầm Thanh T, sinh năm 1975. Vắng mặt không lý do.

Bà Lâm Thị Hồng T, sinh năm 1979. Vắng mặt không lý do.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cùng bà Lê Thị Minh K là người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thị L cùng trình bày:

Ngày 27/4/2021 bà L có cho bà Lâm Thị Hồng T vay 200.000.000 đồng, kỳ hạn thỏa thuận 01 tháng trả tiền gốc, lãi suất bà T hứa trả 100.000 đồng/100.000.000 đồng/ngày, việc vay tiền không có thế chấp tài sản, bà L giao tiền cho bà T nhận 01 lần, bà T có viết biên nhận. Trong thời hạn 01 tháng bà T đóng lãi được 15 ngày, số tiền 3.000.000 đồng, khi nhận tiền lãi bà L không làm giấy tờ. Sau đó bà T không đóng lãi, không trả vốn gốc khi đến hạn.

Bà L đòi nợ nhiều lần, bà T đưa ra nhiều lý do, cứ hẹn mà không trả. Khi giao kết hợp đồng vay và nhận tiền đều do bà Lâm Thị Hồng T đứng ra giao kết, ông Trầm Thanh T là chồng bà T không tham gia, mục đích bà T vay 200.000.000 đồng để làm vốn trả tiền mua lúa. Sau khi bà L đòi nợ nhiều lần, đến ngày 30/10/2021 bà T trả được 56.000.000 đồng vốn gốc, hiện còn nợ 144.000.000 đồng chưa trả.

Nay bà Nguyễn Thị L cùng bà Lê Thị Minh K là người đại diện hợp pháp cho bà L yêu cầu giải quyết buộc ông Trầm Thanh T và bà Lâm Thị Hồng T phải trả số tiền gốc là 144.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính tiền lãi suất chậm trả, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L xin rút lại yêu cầu này, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa Luật sư Trầm Phú L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị L trình bày: Là thống nhất lời trình bày của bà L và bà K nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 117; khoản 1 điều 466; khoản 3 điều 150 của Bộ luật Dân sự; điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 27; 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Buộc ông Trầm Thanh T và bà Lâm Thị Hồng T phải trả số tiền gốc là 144.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính tiền lãi suất chậm trả, tại phiên tòa nguyên đơn bà L xin rút lại yêu cầu này, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- Tại phiên tòa bà Lâm Thị Hồng T và ông Trầm Thanh T là bị đơn trong vụ án: Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nên không có lời trình bày.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- *Về số nợ gốc:* Tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải, bà L và bà T đều khai ngày 27/4/2021 bà T vay tiền của bà L vốn gốc là 200.000.000 đồng, ngày 30/10/2021 bà T có trả được 56.000.000 đồng, còn nợ 144.000.000 đồng vốn gốc chưa trả cho bà L là đúng.

- *Về chứng cứ:* Tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải bà T thừa nhận tờ biên nhận 200.000.000 đồng đề ngày 27/4/2021, do bà T tự viết và ký tên là đúng sự thật.

Những tình tiết các bên đương sự không thống nhất với nhau: Là không có.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật, các văn bản tố tụng đều tống đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị L. Buộc bà Tvà ông T phải trả 144.000.000 đồng gốc cho bà L. Về lãi suất chậm trả, tại phiên tòa do bà L rút lại yêu cầu này, đề nghị áp dụng Điều 244 của Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ giải quyết yêu cầu này. Buộc bà T, ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bà Lâm Thị Hồng T và ông Trầm Thanh T đều là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ 02, bà T và ông T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy bà L khởi kiện buộc bà T, ông T trả số tiền gốc 144.000.000 đồng, bà L rút lại yêu cầu trả tiền lãi suất chậm trả, ngoài ra bà L không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

Xét thấy ngày 27/4/2021 bà L có cho bà Lâm Thị Hồng T vay 200.000.000 đồng, kỳ hạn thỏa thuận 01 tháng trả tiền gốc, lãi suất bà Tươi hứa trả 100.000 đồng/100.000.000 đồng/ngày, việc vay tiền không có thế chấp tài sản, bà L giao tiền cho bà T nhận 01 lần, bà T có viết biên nhận. Trong thời hạn 01 tháng bà T có đóng lãi suất được 15 ngày, số tiền 3.000.000 đồng, khi nhận tiền lãi bà L không làm giấy tờ. Sau đó bà T không đóng lãi suất, không trả vốn gốc khi đến hạn.

Bà Nguyễn Thị L đòi nợ nhiều lần, bà T đưa ra nhiều lý do, cứ hẹn mà không trả. Khi giao kết hợp đồng vay và nhận tiền đều do bà Lâm Thị Hồng T đứng ra giao kết, ông Trầm Thanh T là chồng bà T không có tham gia, mục đích bà

T vay 200.000.000 đồng để làm vốn trả tiền mua lúa. Sau khi bà L đòi nợ nhiều lần, đến ngày 30/10/2021 bà T có trả cho bà Lan nhận 56.000.000 đồng vốn gốc, hiện bà T còn nợ 144.000.000 đồng chưa trả.

Quá trình giải quyết vụ án, tại các bản khai bị đơn bà Lâm Thị Hồng T trình bày: Bà thừa nhận có vay 200.000.000 đồng của bà L, có trả được 56.000.000 đồng vốn gốc, hiện còn nợ 144.000.000 đồng vốn gốc chưa trả là đúng. Tờ biên nhận 200.000.000 đồng đề ngày 27/4/2021, do bà tự viết và ký tên. Mục đích bà T vay số tiền này để làm vốn thanh toán tiền mua lúa, nay bà cùng ông Trầm Thanh T sẽ trả 144.000.000 đồng cho bà L. Do bà T thừa nhận còn nợ bà L số tiền gốc 144.000.000 đồng, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trầm Thanh T đều vắng mặt, nên phiên hòa giải không tiến hành được, tại phiên tòa lần thứ 02 ông T và bà T tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Xét thấy bà T có vay tiền bà L, hiện còn nợ 144.000.000 đồng vốn gốc chưa trả là đúng sự thật, bà T vay tiền của bà L mục đích để làm vốn kinh doanh mua bán lúa gạo là sử dụng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình, căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình quy định thì bà T và ông T cùng có trách nhiệm trả số nợ này cho bà L là đúng pháp luật.

Từ những căn cứ, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc ông Trầm Thanh T và bà Lâm Thị Hồng T phải trả số tiền gốc là 144.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị L là hoàn toàn có căn cứ.

- *Về lãi suất chậm trả:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bà L yêu cầu trả tiền lãi suất chậm trả, mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 27/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L rút lại yêu cầu tính lãi suất và không yêu cầu giải quyết. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của bà Nguyễn Thị L.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà T, ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật (*số tiền án phí được tính là 05% trên tổng số tiền mà bà T, ông T có nghĩa vụ trả cho bà L*). Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí và sẽ được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

[5] Xét lời của Luật sư Trầm Phú L trình trình bày lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị L nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là đúng quy định của pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 92; các Điều 147, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Buộc ông Trầm Thanh T và bà Lâm Thị Hồng T có nghĩa vụ trả 144.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị L.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm về yêu cầu tính lãi suất chậm trả, do nguyên đơn bà Nguyễn Thị L rút lại yêu cầu này tại phiên tòa và không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Trầm Thanh T và bà Lâm Thị Hồng T có nghĩa vụ nộp 7.200.000 đồng (*Bảy triệu, hai trăm nghìn đồng*) án phí.

- Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 3.898.800 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0012584, ngày 11/11/2022 do bà Nguyễn Thị L đứng tên nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bà Lâm Thị Hồng T và ông Trầm Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- Chi Cục THADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm